

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01002** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **An toàn lao động điện lạnh**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTML0045	Phạm Đình Chí	06/07/2006				8	8	9			4.6		6.1
2	21BTML0046	Trần Văn Cua	26/03/2005				8	9	9			9.8		9.4
3	21BTML0047	Nguyễn Tấn Cường	20/07/2006				8	8	9			0.0	0.0	3.4
4	21BTML0048	Võ Lê Hải Đăng	15/11/2006				8	9	9			8.4		8.6
5	21BTML0049	Trần Hiếu Đông	04/01/2006				9	8	8			8.2		8.2
6	21BTML0050	Mu Ha Mách FawZan	24/04/2006				8	7	8			8.8		8.3
7	21BTML0051	Cái Thế Anh Hào	27/11/2006				8	9	9			9.8		9.4
8	21BTML0052	Quách Gia Hào	01/04/2006				8	9	9			8.6		8.7
9	21BTML0053	Phạm Phúc Hậu	31/10/2006				9	8	8			0.0	0.0	3.3
10	21BTML0054	Trần Phạm Khánh Hùng	01/09/2005				8	8	9			0.0	0.0	3.4
11	21BTML0055	Lâm Nhựt Huy	06/04/2006				9	8	9			9.6		9.2
12	21BTML0056	Trương Hoảng Khinh	16/06/2006				8	9	9			9.2		9.0
13	21BTML0057	Phạm Nguyễn Tuấn Khoa	22/12/2006				8	9	8			0.0	0.0	3.4
14	21BTML0058	Nguyễn Đăng Khôi	22/08/2006				8	9	8			7.0		7.6
15	21BTML0059	Nguyễn Văn Đình Khôi	27/06/2005				8	9	9			9.8		9.4
16	21BTML0060	Lê Tuấn Kiệt	02/01/2006				8	9	9			9.8		9.4
17	21BTML0061	Phạm Quốc Kiệt	30/03/2005				8	9	9			0.0	0.0	3.5
18	21BTML0062	Phan Tuấn Kiệt	27/11/2006				8	9	9			9.8		9.4
19	21BTML0063	Đỗ Nguyễn Thành Kính	13/10/2006				8	8	9			0.0	0.0	3.4
20	21BTML0064	Nguyễn Quang Liêm	16/08/2005				8	9	9			0.0	0.0	3.5
21	21BTML0065	Thiều Thị Mỹ Liên	11/10/2006				0	0	0			0.0	0.0	0.0
22	21BTML0066	Cù Quốc Vũ Luân	05/03/2004				8	8	9			9.8		9.2
23	21BTML0331	Nguyễn Tấn An	17/11/2005				8	8	9			0.0	0.0	3.4

Châu Đốc, ngày 22 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Hoàng Giang